Ký bởi: Phòng Tài chính - Kế hoạch

UBND HUYỆN TÂN UYÊN

Biểu số 01 (Biểu số 93/CK-NSNN)

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo 137 /BC-TCKH ngày 08/4/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện Quý I năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG NGUỒN THU NSĐP**	**558.839**	**139.103**	**24,9%**	**122,2%**
I	**Thu cân đối NSNN**	**59.700**	**13.241**	**22,2%**	**149,9%**
1	Thu nội địa	59.700	13.241	22,2%	149,9%
2	Thu viện trợ				
II	**Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang**		**2.862**		
III	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**499.139**	**123.000**	**24,6%**	**117,1%**
B	**TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**558.839**	**115.095**	**20,6%**	**132,6%**
I	**Tổng chi cân đối ngân sách huyện**	**535.635**	**107.662**	**20,1%**	**129,7%**
1	Chi đầu tư phát triển	75.408	27.744	36,8%	206,8%
2	Chi thường xuyên	450.713	79.918	17,7%	114,9%
3	Dự phòng ngân sách	9.014	-	0,0%	
4	Tăng thu Ngân sách năm 2024 (Không kể tiền sử dụng đất)	500		0,0%	
II	**Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh**	**23.204**	**7.433**	**32,0%**	**194,0%**

UBND HUYỆN TÂN UYÊN **Biểu số 02 (Biểu số 94/CK-NSNN)**

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo 137 /BC-TCKH ngày 08/4/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2023	Thực hiện Quý I năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**68.200**	**14.564**	**21,4%**	**149,6%**
I	**Thu nội địa**	**68.200**	**14.564**	**21,4%**	**149,6%**
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	21.000	6.366	30,3%	204,8%
4	Thuế thu nhập cá nhân	1.800	727	40,4%	100,3%
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	3.850	1.216	31,6%	73,8%
7	Thu phí, lệ phí	1.700	1.063	62,5%	169,5%
8	Các khoản thu về nhà, đất	36.500	4.124	11,3%	134,4%
-	*Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*		1		
-	*Thu tiền sử dụng đất*	35.000	4.055	11,6%	132,3%
-	*Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước*	1.500	68	4,5%	3400,0%
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	3.200	1.068	33,4%	190,0%
11	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	150	-	0,0%	
II	**Thu viện trợ**				
B	**THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**59.700**	**13.241**	**22,2%**	**149,9%**
1	Từ các khoản thu phân chia	28.000	3.244	11,6%	132,3%
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	31.700	9.997	31,5%	156,7%

UBND HUYỆN TÂN UYÊN **Biểu số 03 (Biểu số 95/CK-NSNN)**

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Báo cáo 137 /BC-TCKH ngày 08/4/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tân Uyên)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	Thực hiện Quý I năm 2024	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**558.839**	**115.095**	**20,6%**	**132,6%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**535.635**	**107.662**	**20,1%**	**129,7%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**75.408**	**27.744**	**36,8%**	**206,8%**
1	Chi đầu tư cho các dự án	75.408	27.744	36,8%	206,8%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	**Chi thường xuyên**	**450.713**	**79.918**	**17,7%**	**114,9%**
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	257.130	48.178	18,7%	119,4%
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi y tế, dân số và gia đình				
4	Chi văn hóa thông tin	2.872	416	14,5%	108,6%
5	Chi phát thanh, truyền hình	2.217	565	25,5%	115,8%
6	Chi thể dục thể thao	705	94	13,3%	64,8%
7	Chi bảo vệ môi trường	3.000	530		
8	Chi hoạt động kinh tế	66.283	6.311	9,5%	105,3%
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	35.436	7.131	20,1%	107,9%
10	Chi bảo đảm xã hội	17.443	3.531	20,2%	107,1%
11	Chi Ngân sách cấp xã	57.030	10.522	18,4%	117,8%
12	Chi khác ngân sách	1.749	382	21,8%	41,3%
III	**Dự phòng ngân sách**	**9.014**		**0,0%**	
V	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**	**-**			
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN**	**23.204**	**7.433**	**32,0%**	**194,0%**
C	**CHI TỪ NGUỒN THU ĐỂ LẠI ĐƠN VỊ CHI QUẢN LÝ QUA NSNN**	**-**	**-**	**0,0%**	